

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư là: Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - Công ty Than Dương Huy-TKV (Tên viết rút gọn là Công ty Than Dương Huy-TKV). Địa chỉ : Tổ 5, khu phố Trần Hưng Đạo, phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh. Điện thoại : 02033 862615 FAX : 02033 862494 Tài khoản : 4410000077 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cẩm Phả Mã số thuế : 5700100256-032
E-ĐKC 1.7	Gói thầu: Sửa chữa nhà ở chung cư 9 tầng CBCNV (Số thẻ 2660) và nhà ở chung cư CBCNV (Số thẻ 2539), thuộc kế hoạch sửa chữa vật kiến trúc năm 2025 – Công ty than Dương Huy - TKV Công trình hiện có cấp nước, thoát nước, cấp điện, gần đường giao thông Địa chỉ thi công gói thầu: phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại: phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh.
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: Trong vòng 40 ngày (kể cả ngày nghỉ, ngày lễ, tết được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực và Bên A bàn giao mặt bằng cho bên B. Không tính ngày nghỉ do điều kiện bất khả kháng gây ra và thời gian kéo dài thời gian do chủ đầu tư đề nghị khối lượng bổ sung ngoài khối lượng mời thầu) đến ngày bàn giao công trình đưa vào sử dụng
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 40 ngày (kể cả ngày nghỉ, ngày lễ, tết được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực và Bên A bàn giao mặt bằng cho bên B. Không tính ngày nghỉ do điều kiện bất khả kháng gây ra và thời gian kéo dài thời gian do chủ đầu tư đề nghị khối lượng bổ sung ngoài khối lượng mời thầu) đến ngày bàn giao công trình đưa vào sử dụng

E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: Sau khi ký kết hợp đồng và bên A bàn giao mặt bằng thi công cho bên B
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ____ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i> .
E-ĐKC 1.29	- Tư vấn tư vấn giám sát: Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - Công ty Than Dương Huy-TKV (Tên viết rút gọn là Công ty Than Dương Huy-TKV). Địa chỉ : Tổ 5, khu phố Trần Hưng Đạo, phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh Điện thoại : 02033 862615 FAX : 02033 862494 Tài khoản : 4410000077 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cẩm Phả Mã số thuế : 5700100256-032.
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: Không áp dụng
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: a) Văn bản Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; b) E-ĐKCT của hợp đồng; c) E-ĐKC của hợp đồng; d) Biên bản hoàn thiện hợp đồng; đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; e) Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng; g) E-HSĐT và các tài liệu làm rõ E-HSĐT của Nhà thầu; h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá hợp đồng Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng. Nhà thầu cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành. Trường hợp Nhà thầu nộp Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành thì phải là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu, theo Mẫu số 15 Chương VIII – E-HSMT). - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành

	cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 30 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu: 03 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 05 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].</i>
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 20% giá hợp đồng.
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về Nhà thầu phụ đáp ứng năng lực kinh nghiệm phần công việc mà mình đảm nhận
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư,

	máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu.
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng. + Giá trị bảo hành công trình: 5 % + Hình thức bảo lãnh: Chủ đầu tư giữ lại 5% giá trị thanh toán toàn bộ khối lượng Nhà thầu thực hiện Trong thời gian bảo hành công trình Nhà thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Nhà thầu. Trong vòng không quá 5 ngày sau khi nhận được thông báo của Bên giao thầu về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Nhà thầu không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Bên giao thầu có quyền thuê một Nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Nhà thầu chịu và sẽ được khấu trừ vào tiền bảo hành của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên. Trong trường hợp công trình phải dừng do sửa chữa bảo hành thì thời gian bảo hành được gia hạn tương ứng với thời gian công trình phải ngừng do sửa chữa bảo hành.
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: Công trình hiện có cấp nước, thoát nước, cấp điện, gần đường giao thông Địa chỉ thi công gói thầu: phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Ngày bên A bàn giao mặt bằng thi công cho bên B
E-ĐKC 27.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: trong vòng 30 ngày kể từ ngày xảy ra tranh chấp phát sinh. Trong trường hợp đại diện của cả hai bên không thoả thuận được (một trong hai bên không đồng ý với cách giải quyết của bên kia đưa ra) thì tranh chấp sẽ được giải quyết tại tòa án có thẩm quyền tại Tỉnh Quảng ninh giải quyết theo quy định của Pháp luật. Các chi phí có liên quan do bên thua kiện phải chịu theo quy định của Pháp luật.
B. Quản lý thời gian	

E-ĐKC 28	- Ngày khởi công: Sau khi ký kết hợp đồng và bên A bàn giao mặt bằng thi công cho bên B - Ngày hoàn thành dự kiến: 40 ngày (kể cả ngày nghỉ, ngày lễ, tết được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực và Bên A bàn giao mặt bằng cho bên B. Không tính ngày nghỉ do điều kiện bất khả kháng gây ra và thời gian kéo dài thời gian do chủ đầu tư đề nghị khối lượng bổ sung ngoài khối lượng mời thầu) đến ngày bàn giao công trình đưa vào sử dụng
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng: 10 ngày từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 20 ngày/1 lần - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: 97.293.000VND
E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: _____ <i>[ghi các trường hợp gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng khác (nếu có)].</i>
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: Vật tư, máy móc, thiết bị: Mẫu bê tông, thép,... Theo quy định phải cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm thì phải được thí nghiệm hoặc kiểm định theo yêu cầu
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: <i>Hợp đồng theo đơn giá cố định</i>
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: “Cố định”
E-ĐKC 42.1	Sau khi bên A bàn giao mặt bằng thi công cho bên B, trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày bên B cung cấp cho bên A thư bảo lãnh tạm ứng (loại bảo lãnh vô điều kiện; giá trị bảo lãnh $\geq$ giá trị tạm ứng và Công văn đề nghị tạm ứng; Hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng $\geq$ 40 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng). Bên A sẽ tạm ứng cho bên B số tiền tối đa 20% giá trị Hợp đồng (nếu nhà thầu đề xuất) nhưng không vượt quá giá trị bảo lãnh. Giá trị tạm ứng sẽ được thu hồi 100% khi thanh toán lần 1.

	Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng và phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được tiền tạm ứng (tài liệu chứng minh tiền tạm ứng hợp lệ là tài liệu có giá trị sử dụng tiền tạm ứng cho gói thầu $\geq$ giá trị tạm ứng, thời gian phát sinh tính từ ngày nhận được tiền tạm ứng). Nhà thầu sẽ bị thu tiền tạm ứng trong trường hợp sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích hoặc nếu đến thời hạn nộp tài liệu chứng minh khoản tiền tạm ứng đã sử dụng đúng mục đích mà Nhà thầu không giao tài liệu cho Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư có quyền thu hồi lại giá trị đã tạm ứng. Nếu Nhà thầu không hợp tác trả lại giá trị đã tạm ứng thì Chủ đầu tư sẽ phát hành thư tới Ngân hàng bảo lãnh để thu hồi khoản tiền đã tạm ứng.
E-ĐKC 44.1	Thanh toán, điều kiện và thời hạn thanh toán: * Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản và thanh toán phương thức cụ thể như sau + Thanh toán đợt 1: Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 95% giá trị thanh toán (bao gồm cả giá trị tạm ứng) trong vòng 90 ngày sau khi Nhà thầu hoàn thành hạng mục công trình và hai bên nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng và xuất trình đầy đủ bộ hồ sơ thanh toán cho Nhà thầu Tài liệu phục vụ thanh toán bao gồm: (1). Biên bản nghiệm thu khối lượng, kỹ thuật, nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng,...có xác nhận của Bên A hoặc Tư vấn giám sát (nếu có) và Bên B (theo mẫu biên bản do Bên A và Bên B thống nhất trên cơ sở quy định hiện hành của Nhà nước). (2). Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện Bên A hoặc đại diện nhà tư vấn (nếu có) và đại diện Bên B. (3). Hóa đơn điện tử của bên B (bản chuyển đổi). (4). Cung cấp hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ của các vật tư, vật liệu, .. như sau: * Đối với vật tư, vật liệu là hàng sản xuất ở nước ngoài: + Giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm (CQ); Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O). Gồm 03 bản dịch ra tiếng Việt do các đơn vị có chức năng dịch thuật thực hiện và được giáp lai với bản gốc hoặc bản đã được công chứng. Trường hợp giấy chứng

	nhận chất lượng sản phẩm (CQ), Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) là bản điện tử có thể tra cứu được, cần cung cấp 03 bản dịch ra tiếng Việt do các đơn vị có chức năng dịch thuật thực hiện và được giáp lai với bản đã được sao y của bên B. + Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (bản sao y của nhà thầu) * Đối với vật tư, vật liệu, thiết bị là hàng sản xuất trong nước: + Giấy chứng nhận (chứng chỉ) chất lượng: Bản gốc hoặc 02 bản sao công chứng có chứng thực của phòng tư pháp hoặc văn phòng công chứng (trừ cát, đá, sỏi không yêu cầu). + Hoá đơn GTGT của Nhà thầu và đơn vị cung cấp. (5). Bản cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc xuất xứ vật tư, vật liệu và tính pháp lý của hồ sơ cung cấp cho bên A. (6). Hồ sơ bản vẽ hoàn công hạng mục công trình. (7). Bản tính giá trị thanh toán. (8). Công văn đề nghị thanh toán hoặc biên bản đối chiếu công nợ tại thời điểm. (9). Và các giấy tờ liên quan khác khi bên A yêu cầu bên B cung cấp (nếu có). Toàn bộ hồ sơ phục vụ nghiệm thu, thanh, quyết toán hợp đồng: Nhà thầu cung cấp đầy đủ các hồ sơ, tài liệu, chứng từ theo quy định hiện hành. Đối với các Hồ sơ, tài liệu, chứng từ liên quan đến hàng hóa nhập khẩu: các thông tin phải được ghi đầy đủ theo quy định. + Thanh toán đợt 2: 5 % giá trị còn lại Chủ đầu tư giữ lại để bảo hành công trình. Chủ đầu tư sẽ thanh toán hết cho Nhà thầu trong vòng 30 ngày làm việc sau khi kết thúc thời gian bảo hành và hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo quy định. Đồng tiền thanh toán: Thanh toán bằng VND Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.
E-ĐKC 45	Điều chỉnh thuế: “<i>được phép</i>” <i>“Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng”].</i>
E-ĐKC 46.1	Phản tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5%

E-ĐKC 47.1(d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: _____ <i>[ghi cụ thể các trường hợp được sửa đổi hợp đồng gắn với quyền và nghĩa vụ của các bên có liên quan đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật]</i> .
E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0 % giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	Mức phạt: Mức phạt tối đa do chậm hợp đồng (chậm thời gian thi công trình) là: 10 % Nếu hết hạn thời gian thực hoàn thành hợp đồng mà Nhà thầu chưa hoàn thành xong công trình không vì lý do bất khả kháng nào chậm tiến độ thì Nhà thầu phải chịu phạt cho Chủ đầu tư cụ thể như sau: - Phạt 1% giá trị Hợp đồng cho 01 ngày chậm. Nhưng giá trị tiền phạt do chậm tiến độ theo hợp đồng cũng không quá 10 % giá trị hợp đồng. Thời gian chậm tiến độ theo hợp đồng không vượt quá ngày thứ 10, nếu vượt quá ngày thứ 10 Chủ đầu tư sẽ xem xét việc chấm dứt hợp đồng và mọi chi phí liên quan đến Nhà thầu thì Nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại do chậm tiến độ quy định tại - E-ĐKC49.2- Chương VII - E HSMT
E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: “Áp dụng + Bồi thường thiệt hại cơ sở vật chất bị hỏng do nhà thầu thi gói thầu. Nhà thầu bồi thường toàn bộ cơ sở vật chất bị hỏng, thiệt hại thực tế mà nhà thầu gây ra.
E-ĐKC 49.3	Thuởng hợp đồng: "không áp dụng"
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: _____ <i>[ghi thời gian bàn giao công trình]</i> .
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: _____ <i>[ghi thời gian nộp bản vẽ hoàn công]</i> .
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: 97.293.000VND
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong: 30 ngày ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.